

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 29 tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 868/TTr-STNMT ngày 28/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại một phần lô K (K1-7), khu công nghiệp Quang Châu, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Nhà máy Runyang Technology Việt Nam” tại một phần lô K (K1-7), khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy Runyang Technology Việt Nam.

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam

1.3. Địa điểm hoạt động: Một phần lô K (K1-7), khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 2400874687 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/11/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 22/11/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 9987994534 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận lần đầu ngày 30/10/2019,

chứng nhận thay đổi lần thứ năm ngày 10/11/2023.

1.5. Mã số thuế: 2400874687

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Sản xuất sản phẩm từ plastic, chi tiết: Sản xuất, gia công tấm đệm lót trải sàn, tấm đệm lót trải sàn dùng cho trẻ em tập bò, tấm đệm dùng ngoài trời, tấm EVA, tấm nhựa, vật liệu xốp nhựa;
- Sản xuất, gia công màng chít, màng bọc thực phẩm;
- Sản xuất, gia công vỏ dây cáp điện;
- Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền phân phối Bán buôn (không lập cơ sở bán buôn) các hàng hóa có mã HS: 39189011, 39189013, 39189019, 39189090, 39201011, 39201019, 39201090, 39219090, 39211912, 39211969, 39211999.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại Một phần lô K (K1-7), khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với diện tích 33.325,8m².
- Quy mô, công suất của dự án đầu tư:
 - + Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.
 - + Sản xuất, gia công tấm đệm lót trải sàn, tấm đệm lót trải sàn dùng cho trẻ em tập bò, tấm đệm dùng ngoài trời, tấm EVA, tấm nhựa, vật liệu xốp nhựa: 70.000.000m²/năm.
 - + Sản xuất, gia công màng chít, màng bọc thực phẩm: 4.000 tấn/năm.
 - + Sản xuất, gia công vỏ dây cáp điện: 300.000.000 m/năm.
 - + Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền phân phối Bán buôn (không lập cơ sở bán buôn) các hàng hóa có mã HS: 39189011, 39189013, 39189019, 39189090, 39201011, 39201019, 39201090, 39219090, 39211912, 39211969, 39211999: 2.000.000 USD.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Giấy phép môi trường được cấp tại Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 12/9/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư “Nhà máy Runyang Technology Việt Nam” tại Một phần lô K (K1-7), khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 1291/QĐ-TNMT ngày 15/12/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang; UBND huyện Việt Yên, UBND thị trấn Nénh, Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN Việt Anh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /202
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án “Nhà máy Runyang Technology Việt Nam” sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải công suất 33 m³/ngày đêm đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B được đấu nối với hệ thống thu gom nước thải và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên do Công ty cổ phần khu công nghiệp Sài Gòn - Bắc Giang (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp) xây dựng và quản lý vận hành để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (Theo Biên bản thoả thuận điểm đấu nối hạ tầng kỹ thuật ngày 03/01/2020 giữa Công ty cổ phần khu công nghiệp Sài Gòn - Bắc Giang và Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam), sau đó xả ra môi trường; dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

- Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải công đoạn tạo bột, chiếu điện, in màu được dẫn về hệ thống xử lý nước thải với công suất 6m³/ngày đêm để xử lý, sau đó tiếp tục được tuần hoàn tái sử dụng cho hệ thống xử lý khí thải, không xả ra môi trường.

- Nước làm mát từ các quy trình sản xuất của dự án được đưa về tháp giải nhiệt làm giảm nhiệt độ nước, sau đó tuần hoàn lại làm mát sản phẩm, máy móc thiết bị, không xả ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải sinh hoạt:

Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ tại 08 bể tự hoại 03 ngăn với tổng thể tích 66m³; nước thải từ nhà bếp được xử lý sơ bộ qua 01 bể tách dầu mỡ thể tích 3m³. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ sẽ theo các đường ống uPVC từ D110 đến D250 và ống HDPE từ D63 đến D150 với tổng chiều dài khoảng 472m dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 33m³/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đấu nối vào hệ thống thu

gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Quang Châu để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A và xả thải ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải:

Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải công đoạn tạo bọt, chiếu điện, in màu được dẫn theo đường ống HDPE DN75 với tổng chiều dài 160 m về hệ thống xử lý nước thải với công suất 6m³/ngày đêm để xử lý, sau đó tiếp tục được tuần hoàn tái sử dụng cho hệ thống xử lý khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

* Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, bể tách dầu mỡ) → Hồ thu gom (tách rác) → Bể điều hoà → Bể thiếu khí (Anoxic) → Bể hiếu khí (Aerotank) → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể chứa nước sau xử lý → Hồ ga xả nước thải đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (do Công ty cổ phần KCN Sài Gòn- Bắc Giang quản lý) (Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của KCN Quang Châu).

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ sinh học

- Công suất thiết kế: 33 m³/ngày đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Dinh dưỡng (mật mía): 15 kg/tháng;

+ NaOCl (Javen): 50 kg/tháng;

+ NaOH 50 kg/tháng.

* Công trình xử lý nước thải từ hệ thống xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý:

Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải → Bể thu gom → Bể điều hoà → Bể tuyển nổi → Bể chứa nước thải sau xử lý → Tuần hoàn tái sử dụng cho hệ thống xử lý khí thải.

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ hóa lý

- Công suất thiết kế: 6 m³/ngày đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ NaOH: 15 kg/tháng;

+ PAC: 500 kg/tháng;

+ PAM: 2,5 kg/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố công trình xử lý nước thải

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật, có nhật ký vận hành, hàng ngày ghi chép đầy đủ các thông số vận hành như: Lượng hóa chất sử dụng, tình trạng hoạt động của các thiết bị để có những khắc phục, sửa chữa và thay thế kịp thời khi có sự cố. Trong nhật ký phải ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền.

- Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý phải được tập huấn, đào tạo, nâng cao chuyên môn, thao tác đúng cách để hạn chế những sai sót có thể gây ra sự cố, luôn có mặt tại vị trí khi vận hành.

- Theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải khi vận hành, đặc biệt là các thiết bị điện. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn, bơm... thay thế các thiết bị hỏng hóc hệ thống xử lý nước thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời, đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Vệ sinh đường cống thoát nước thải, tránh ùn tắc, ứ đọng chất thải rắn trong đường cống dẫn nước thải.

- Định kỳ quan trắc chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải. Nếu phát hiện có bất cứ thông số nào vượt quá ngưỡng cho phép theo Quy chuẩn hiện hành thì lập tức cho kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý các sự cố phát sinh.

- Giám sát lưu lượng nước thải thường xuyên, liên tục để kịp thời điều chỉnh không để xảy ra quá tải, giảm hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý môi trường địa phương trong việc thanh kiểm tra, quan trắc và giám sát chất lượng nước, chất lượng môi trường.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải

- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý vượt quy chuẩn xả thải ra hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp Quang Châu; tạm dừng hoạt động phát sinh nước thải đến khi khắc phục xong mới tiếp tục hoạt động trở lại.

- Dừng hoạt động hệ thống xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý. Báo cáo đơn vị quản lý KCN Quang Châu khi xảy ra sự cố dẫn đến nước thải sau xử lý không đạt chuẩn theo yêu cầu của khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên (không đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B).

- Trường hợp mạng lưới điện trong khu vực bị mất phải cho vận hành ngay

máy phát điện dự phòng để kịp thời đưa hệ thống xử lý nước thải vận hành trở lại.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải và phải dừng hoạt động của hệ thống xử lý này để khắc phục sự cố, thời gian sửa chữa kéo dài vượt quá khả năng lưu chứa tại các bể của hệ thống xử lý, Chủ dự án thực hiện thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải của bể và mang đi xử lý theo quy định.

- Nước thải qua hệ thống xử lý nước thải được đánh giá có thể gặp các sự cố như: một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

+ Tương tự đối với từng thông số khác sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, Chủ dự án liên hệ ngay với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống xử lý để khắc phục, xử lý.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh, UBND huyện Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /202
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải: 07 nguồn**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ công đoạn đùn ép nhựa tại xưởng 04.
- Nguồn từ số 02 đến số 05: Khí thải phát sinh từ công đoạn tạo bột xốp, chiếu điện, in màu tại xưởng 03.
- Nguồn số 06: Khí thải phát sinh từ quá trình cấp liệu, trộn, nghiền, cắt nguyên liệu tại xưởng 04.
- Nguồn số 07: Khí thải phát sinh từ công đoạn đùn ép nhựa tại xưởng 02.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải: Có 7 dòng khí thải tại 07 ống thoát khí thải sau 07 hệ thống xử lý khí thải, cụ thể

- Dòng khí thải số 01: Khí thải tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn đùn ép nhựa tại xưởng 04.
- Dòng khí thải từ số 2 đến số 5: Khí thải tại 04 ống thoát khí thải sau 04 hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn tạo bột xốp, chiếu điện, in màu tại xưởng 03.
- Dòng khí thải số 6: Khí thải tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi từ quá trình cấp liệu, trộn, nghiền, cắt nguyên liệu tại xưởng 04.
- Dòng khí thải số 7: Khí thải tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn đùn ép nhựa tại xưởng 02.

2.2. Vị trí xả khí thải: Có 7 vị trí xả khí thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiếu 3^0)

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn đùn ép nhựa tại xưởng 04. Tọa độ vị trí xả khí thải: X= 2348636, Y= 408311.
- 01 vị trí tại ống thoát khí thải số 01 sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn tạo bột xốp, chiếu điện, in màu tại xưởng 03. Tọa độ vị trí xả khí thải: X= 2348729, Y= 408173.
- 01 vị trí tại ống thoát khí thải số 2 sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn tạo bột xốp, chiếu điện, in màu tại xưởng 03. Tọa độ vị trí xả khí thải: X= 2348747; Y= 408182.
- 01 vị trí tại ống thoát khí thải số 3 sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn tạo bột xốp, chiếu điện, in màu tại xưởng 03. Tọa độ vị trí xả khí thải: X= 2348795; Y= 408207.

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải số 4 sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn tạo bột xốp, chiều điện, in màu tại xưởng 03. Tọa độ vị trí xả khí thải: X= 2348833; Y= 408226.

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi từ quá trình cấp liệu, trộn, nghiền, cắt nguyên liệu tại xưởng 04. Tọa độ vị trí xả khí thải: X= 2348667; Y= 408327.

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn đùn ép nhựa tại xưởng 02. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2348806; Y = 408332.

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 160.000 m³/giờ, tương đương 3.840.000 m³/ngày, trong đó:

- Dòng khí thải số 1: 10.000 m³/giờ, tương đương 240.000 m³/ngày.
- Dòng khí thải số 2: 30.000 m³/giờ, tương đương 720.000 m³/ngày.
- Dòng khí thải số 3: 30.000 m³/giờ, tương đương 720.000 m³/ngày.
- Dòng khí thải số 4: 30.000 m³/giờ, tương đương 720.000 m³/ngày.
- Dòng khí thải số 5: 30.000 m³/giờ, tương đương 720.000 m³/ngày.
- Dòng khí thải số 6: 20.000 m³/giờ, tương đương 480.000 m³/ngày.
- Dòng khí thải số 7: 10.000 m³/giờ, tương đương 240.000 m³/ngày.

2.3.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc (24 giờ/ngày).

2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN19:2009/BTNMT (cột B) và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B)	QCVN 20:2009/ BTNMT	
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	-	06 tháng/lần
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	1000	-	
3	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850	-	
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	500	-	

5	Amoniác và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	50	-	
6	Kẽm và hợp chất, tính theo Zn	mg/Nm ³	30	-	01 năm/lần
7	Toluen	mg/Nm ³	-	750	
8	Xylen	mg/Nm ³	-	870	
9	Styren	mg/Nm ³	-	100	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Khí thải phát sinh từ công đoạn đùn ép nhựa tại xưởng số 04:

Khí thải phát sinh từ công đoạn đùn ép nhựa được thu gom vào 18 chụp hút bằng inox 304 (17 chụp hút có kích thước 1000mmx350mmx250mm và 01 chụp hút có kích thước 2200mmx450mmx590mm) thu gom vào các đường ống dẫn khí bằng Inox 304 kích thước Ø200mm chiều dài 15m; Ø273mm chiều dài 53,5m; Ø400mm chiều dài 9m; Ø500mm chiều dài 51,5m đưa khí thải về hệ thống xử lý khí thải.

- Khí thải từ công đoạn tạo bột, chiếu điện và in màu tại xưởng số 03:

Khí thải từ công đoạn tạo bột, chiếu điện và in màu được thu gom vào 20 chụp hút kích thước 273mmx2000mm thu gom vào đường ống dẫn khí bằng Inox 304 kích thước Ø400mm chiều dài 33m; Ø500mm chiều dài 25m; Ø600mm chiều dài 12,5m; Ø700mm chiều dài 73,5m đưa khí thải về 04 hệ thống xử lý khí thải.

- Bụi phát sinh từ quá trình cấp liệu, trộn, nghiền, cắt nguyên liệu tại xưởng 04:

Bụi từ quá trình cấp liệu, trộn, nghiền, cắt nguyên liệu được thu gom vào 14 chụp hút kích thước Ø500mm chiều dài 0,6m; Ø400mm chiều dài 0,5m; Ø200mm chiều dài 0,3m dẫn vào đường ống dẫn khí bằng Inox 304 kích thước Ø500mm chiều dài 0,6m; Ø400mm chiều dài 0,5m; Ø200mm chiều dài 0,3m đưa khí thải về hệ thống xử lý khí thải.

- Khí thải phát sinh từ công đoạn đùn ép nhựa tại xưởng số 02:

Khí thải từ công đoạn đùn ép nhựa được thu gom vào 3 chụp hút kích thước 1000mmx350mmx250mm thu gom vào đường ống dẫn khí bằng Inox 304 kích thước Ø200mm chiều dài 40m; Ø300mm chiều dài 50m đưa khí thải về hệ thống xử lý khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

* Hệ thống xử lý khí thải ép nhựa (01 hệ thống tại xưởng 04 và 01 hệ thống

tại xưởng 02):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Đường ống dẫn khí → Thiết bị quang xúc tác → Tủ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí thải. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 10.000 m³/giờ/hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính: 480 kg/02 hệ thống/năm.

* Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn tạo bột, chiếu điện, in màu (04 hệ thống tại xưởng số 03)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Đường ống dẫn khí → Tháp hấp thụ (Lọc bụi ướt) → Lọc bụi tĩnh điện → Thiết bị quang xúc tác → Tủ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí thải. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 30.000 m³/giờ/hệ thống

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Than hoạt tính 1.760kg/04 hệ thống/năm;

+ Nước 6m³/04 hệ thống/ngày.

* Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn cấp liệu, trộn, nghiền, cắt nguyên liệu tại xưởng số 04

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Đường ống dẫn khí → Quạt hút → Hệ thống lọc bụi túi vải → Ống thoát khí thải. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B trước khi thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 20.000 m³/giờ.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. *Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa:*

- Luôn dự trữ trong kho của dự án đầy đủ các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải, đặc biệt là các thiết bị hay hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn, đồng thời dừng hoạt động tại các điểm có sự cố và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện và nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý khí thải tại dự án, hạn chế những sai sót xảy ra có

thể gây ra sự cố.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Định kỳ 03 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, đồng thời dừng hoạt động, liên hệ đơn vị thi công lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng chuyên môn để khắc phục và đồng thời báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải

2.1. Các công trình đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường:

01 hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn tạo bột xốp, chiếu điện, in màu tại xưởng 03 đã lắp đặt, vận hành thử nghiệm và được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 4675/GXNTNMT ngày 30/12/2021.

2.2. Các công trình đã kết thúc vận hành thử nghiệm

- 01 hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn đùn ép nhựa tại xưởng 04 và 03 hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn tạo bột xốp, chiếu điện, in màu tại xưởng 03: Thời gian vận hành thử nghiệm từ ngày 10/01/2022 đến ngày 30/03/2022.

- 01 hệ thống xử lý bụi từ quá trình cấp liệu, trộn, nghiền, cắt nguyên liệu tại xưởng 04: Thời gian vận hành thử nghiệm từ ngày 29/9/2022 đến ngày 01/10/2022.

2.3. Các công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn đùn ép nhựa tại xưởng 02

2.3.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 01/6/2024 đến ngày 30/8/2024.

2.3.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm: 01 Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn đùn ép nhựa công suất 10.000 m³/giờ

2.3.3 Vị trí lấy mẫu:

01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn đùn

ép nhựa tại xưởng 02.

2.4. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (*theo nội dung được cấp phép tại Phần A phục lục này*).

2.5. Tần suất lấy mẫu:

STT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
	01 vị trí tại ống thoát khí sau Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn đùn ép nhựa tại xưởng 02	Bụi tổng, CO, NO _x , SO ₂ , Toluene, Xylen, Styren	Giai đoạn vận hành ổn định: Lấy 01 mẫu đơn đầu ra tần suất 1 ngày/lần, trong 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: - Lần 1: 10/7/2024 - Lần 2: 11/7/2024 - Lần 3: 12/7/2024	QCVN 19:2009/ BTNMT cột B và QCVN 20:2009/ BTNMT

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /202
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 03 nguồn**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị sản xuất tại khu vực xưởng 04.

- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị sản xuất tại khu vực xưởng 03.

- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị sản xuất tại khu vực xưởng 02.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN2000, trục kinh tuyến 107⁰, múi chiếu 3⁰).

+ Vị trí số 01: Tại khu vực giữa xưởng 04. Tọa độ: X = 2348699; Y = 408256.

+ Vị trí số 02: Tại khu vực giữa xưởng 03. Tọa độ: X = 2348789; Y = 408244.

+ Vị trí số 03: Tại khu vực giữa xưởng 02. Tọa độ: X = 2348784; Y = 408293.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thực hiện	<i>Khu vực thông thường</i>

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	<i>Khu vực thông thường</i>

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Không sử dụng các thiết bị cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao.
- Kiểm tra kỹ độ cân bằng khi lắp đặt máy móc, lắp đặt chân đệm cao su giảm rung động, ồn.
 - Máy móc được bảo trì bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo chất lượng khi vận hành, giảm tiếng ồn và giảm rung. Đối với thiết bị vận hành cố định (như máy bơm, máy phát điện dự phòng) được bố trí khu vực riêng.
 - Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như: Nút tai, bao tai, mũ bảo hiểm, găng tay, kính,...
 - Bố trí thời gian làm việc cho cán bộ, công nhân viên hợp lý để tránh tình trạng bị tác động của tiếng ồn kéo dài.
 - Đối với tiếng ồn từ các phương tiện giao thông: Yêu cầu công nhân tắt máy, dẫn bộ đối với xe máy khi ra vào nhà máy. Các phương tiện vận chuyển phải được yêu cầu hạn chế việc bấm còi xe trong khu vực nếu không cần thiết.
 - Ngoài ra bổ sung dải cây xanh, vừa tăng cường cảnh quan, vừa giúp giảm phát tán tiếng ồn ra môi trường xung quanh, đồng thời, giúp cải thiện môi trường không khí.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /202
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	25
2	Dầu, mỡ tổng hợp thải (Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn tổng hợp thải)	60
3	Găng tay, giẻ lau nhiễm dầu mỡ, hóa chất (Găng tay, giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại)	2.200
4	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải của hệ thống xử lý khí thải	18.480
5	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	40
6	Mực in thải	100
7	Tấm bọt xốp thải có chứa thành phần nguy hại (dính mực)	100
8	Bao bì mềm thải có chứa các thành phần nguy hại (bao bì phụ gia)	3.600
9	Bao bì nhựa cứng có chứa thành phần nguy hại	80
10	Bao bì kim loại cứng có chứa thành phần nguy hại	75
11	Than hoạt tính từ hệ thống xử lý khí thải sau khi thay thế, thải bỏ	2.240
12	Cặn nước làm mát thải	1000
13	Bụi thải từ quá trình xử lý khí thải tạo hạt nhựa	1.200
Tổng khối lượng		29.200

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên gồm:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Nhựa đùn tấm lẫn hạt nhựa vụn phế liệu	20.147
2	Túi Nilon, bao bì, giấy, pallet, gỗ,...	66.667
3	Phế liệu tấm nhựa xốp IXPE (các màu)	986.520
4	Phế liệu nhựa xốp IXPE vụn (các màu)	14.907
5	Đầu nhựa thừa, sản phẩm nhựa lỗi hỏng	80.000
6	Tổng khối lượng	1.168.241

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của dự án khoảng 99kg/ngày tương đương với 29.700 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Bố trí 12 thùng bằng nhựa có nắp đậy dung tích từ 120 lít đến 240 lít/thùng, mỗi loại chất thải đựng vào thùng chứa riêng, trên mỗi thùng có dán mã chất thải tương ứng, lưu giữ tại khu vực chứa chất thải nguy hại.

Riêng đối với bể chứa bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ công đoạn xử lý khí thải được lưu giữ tại bể chứa bùn thể tích 18m³, bể xây bằng gạch, bê tông cốt thép.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 25m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chất thải nguy hại có lắp biển cảnh báo nguy hại, có mái che, sàn đổ bê tông, có gờ chống tràn 15cm để phòng ngừa ứng phó trong trường hợp xảy ra sự cố. Kho được bố trí bên ngoài nhà xưởng sản xuất.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định, tần suất thu gom 1 tháng/lần hoặc căn cứ vào tình hình thực tế phát sinh.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí khoảng 05 thùng đựng rác bằng nhựa, dung tích khoảng 200 lít/thùng và các pallet để thu gom chất thải.

2.2.2. Kho/ khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu lưu chứa chất thải: 200m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa chất thải: Bố trí bên trong nhà xưởng sản xuất, ngăn cách với khu vực sản xuất bằng các vách ngăn lưới thép, vách kẻ sơn và có biển báo.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sản xuất theo quy định (tần suất 1 ngày/lần).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 15 thùng đựng rác có nắp đậy tại khu vực văn phòng dung tích 12 lít/thùng và 32 thùng dung tích từ 60 lít/thùng đến 120 lít/thùng đặt tại khu vực sản xuất, khuôn viên xung quanh nhà xưởng, nhà ăn.

Riêng đối với bể chứa bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được lưu giữ tại bể chứa bùn thể tích 6,47m³, bể xây bằng gạch, bê tông cốt thép.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa chất thải sinh hoạt: 15m²
- Thiết kế: Kết cấu của kho chứa: Móng bằng bê tông cốt thép, khung cột bê tông cốt thép mác 200, tường lửng, quây lưới thép, nền lát xi măng, mái lợp tôn, gắn biển báo cảnh báo tại cửa ra vào, được bố trí bên ngoài nhà xưởng sản xuất.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định (tần suất 1 ngày/lần).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải, hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải, hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố kịp thời; chỉ được tiếp tục hoạt động dự án khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /202
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải công suất 33 m³/ngày đêm để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Quang Châu, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành các hệ thống xử lý khí thải của dự án để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT cột B, QCVN 20:2009/BTNMT trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 868/TTr-TNMT ngày 28/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.